

(v)	sản xuất	produce goods
(adj)	có màu	slightly coloured
(v)	loại bỏ	remove completely
(adv)	hoàn toàn	completely
(n)	thiếc	A metal
(n)	nhà máy thử nghiệm	a small factory built to test
(adj)	có thể bán được	good enough to be sold
(adj)	Trong suốt	related to sight or vision quality
(v)	liên quan đến, bao gồm	include
(n)	bề mặt	the outside or top layer
(adj)	không tì vết	without marks, scratches

(n)	sự tương tác	
(adj)	may mắn	lucky in a helpful way
(n)	sự trùng hợp	when two things happen unexpectedly at the same time
(n)	lò nung	a large oven for melting materials
(v)	giảm thiểu	
(adj)	cụ thể	
(n)	đặc tính	
(v)	giữ nguyên	stay
(n)	tấm	Panel
(v)	thay đổi	